TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **52**/2021/HS-ST
Ngày 28 -6 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Bích Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Tuấn Kiệt

Ông Trần Bằng Phi

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh B tham gia phiên tòa***: ông Mai Chí Nguyện - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 57/2021/TLST-HS ngày 28 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2021/QĐXXST-HS ngày 08/6/2021 đối với bị cáo:

- Họ và tên: **Nguyễn Hải Tr (**tên gọi khác: Nguyễn Hoàng Tr**)**; sinh năm 1979, tại: B; nơi cư trú: Ấp Thị trấn A, thị trấn Hoà Bình, huyện H, tỉnh B; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hoàng Th, sinh năm 1954 và bà Trần Hồng T, sinh năm 1954;

Tiền án: 02 lần gồm: Lần 1 vào ngày 16/7/2015, Toà án nhân dân huyện H, tỉnh B, xét xử về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS với mức hình phạt là 09 tháng tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/2/2016, chưa được xoá án tích; Lần 2: Ngày 25/8/2017, Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh B, xét xử về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 BLHS với mức hình phạt là 02 năm tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/02/2019, chưa được xóa án tích. Ngoài ra, Ngày 11/8/2006, Toà án nhân dân tỉnh B, xét xử về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS với mức hình phạt là 09 tháng tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/10/2007, đã được xoá án tích; Ngày 27/10/2010, Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh B, xét xử về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1

Điều 138 BLHS với mức hình phạt là 01 năm tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/6/2011, đã được xoá án tích.

Tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

- Người bị hại: Chị Võ Thị Mỹ X, sinh năm 1980; trú tại: Hẻm Cầu Xáng, Khóm 10, Phường 1, thành phố B, tỉnh B (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ ngày 17/01/2021, tại nhà của chị Võ Thị Mỹ X thuộc Hẻm Cầu Xáng, Khóm 10, Phường 1, thành phố B, tỉnh B, Nguyễn Hải Tr có hành vi lén lút lấy trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A11 của Chị Võ Thị Mỹ Xuyên, điện thoại di động có giá trị là 3.542.400 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 55/CT-VKSTPBL ngày 24/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo Nguyễn Hải Tr về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hải Tr phạm tội " Trộm cắp tài sản".

- Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hải Tr từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo Nguyễn Hải Tr phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sơ thẩm.

Tại phiên tòa: Bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố đối với bị cáo. Sau khi nghe Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh B trình bày luận tội, bị cáo không có ý kiến tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố, thể hiện bản thân bị cáo là người nghiện ma túy và

không có nghề nghiệp nên để có tiền tiêu xài, bị cáo đã lén lút đến nhà của chị Võ Thị Mỹ X, lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của gia đình chị Xuyên để lấy trộm 01 điện thoại di động của chị X. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với tài sản thu hồi được và lời khai báo của người bị hại. Điện thoại di động qua định giá có giá trị là 3.542.400 đồng (bút lục 16). Bị cáo thực hiện hành vi này trong trạng thái đủ năng lực trách nhiệm hình sự, với lỗi cố ý trực tiếp nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành trộm cắp tài sản. Bản thân bị cáo đã bị xét xử bốn lần về tội Trộm cắp tài sản, trong đó có 02 lần chưa được xóa án tích gồm tại bản án số 28/2015/HSST ngày 16/7/2015, Toà án nhân dân huyện H, tỉnh B, xét xử về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS với mức hình phạt là 09 tháng tù, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/02/2016, chưa được xoá án tích, lần phạm tội này được xác định là tái phạm; tại bản án số 71/2017/HSST ngày 25/8/2017, Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh B, xét xử về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 BLHS với mức hình phạt là 02 năm tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/02/2019, chưa được xóa án tích, lần phạm tội này được xác định là tái phạm nguy hiểm. Như vậy, bị cáo đã phạm tội trộm cắp tài sản trong trường hợp tái phạm nguy hiểm, nay lại tiếp tục phạm về cùng tội danh nên tiếp tục được xác định là trường hợp phạm tội tái phạm nguy hiểm theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[2] Quá trình điều tra và truy tố, những người tiến hành tố tụng thuộc Cơ quan cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập đúng trình tự, thủ tục luật định. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[3] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết như trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã cùng với gia đình tích cực khắc phục hậu quả đã gây ra bằng việc giao trả đủ số tiền đã bán điện thoại để cơ quan điều tra xử lý trả tiền cho người mua điện thoại là anh Vũ, đồng thời anh Vũ giao nộp điện thoại trộm được trả lại cho người bị hại; bên cạnh đó, Hội đồng xét xử xem xét việc bị cáo có mẹ ruột là người có công với cách mạng, được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận lời

đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng hình phạt cho bị cáo, xử lý nghiêm khắc đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định đủ để răn đe, giáo dục đối với bị cáo, đồng thời mang tính phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] *Về vật chứng trong vụ án:* tài sản bị trộm cắp đã được thu hồi trả lại cho người bị hại trong giai đoạn điều tra là phù hợp; đối với chiếc xe của bị cáo sử dụng làm phương tiện đi trộm tài sản, đây là xe của cha ruột bị cáo là ông Nguyễn Hoàng Th, do ông Thạch không biết bị cáo sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên cơ quan điều tra đã trả lại xe cho ông Th là phù hợp; ngoài ra, điện thoại di động là tài sản cá nhân của bị cáo không có liên quan đến hành vi phạm tội đã trả lại cho bị cáo là phù hợp.

[5] *Về trách nhiệm dân sự:* bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] *Về án phí:* bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 200.000 đồng.

[7] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh B về tội danh, hình phạt và các nội dung khác đối với bị cáo là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] *Về quyền kháng cáo:* bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Ngoài ra, Nguyễn Hoàng Th là cha ruột cho mượn xe mô tô, Trịnh Văn V mua điện thoại di động nhưng không biết việc Tr trộm cắp tài sản nên không đề cập xử lý là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Hải Tr** phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hải Tr **02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Hải Tr phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- TAND tỉnh B;
- VKSND Tp. B;
- Sở tư pháp tỉnh B;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp. B;
- Bị cáo;
- Lưu.

Trần Bích Ngọc